

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 16/4/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly
2. Ông Vũ Nguyễn Phúc Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HPT ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn N, sinh năm 1944
Địa chỉ: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1963
Địa chỉ: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trương Văn N trình bày:

Vào ngày 01/10/2022, ông có cho bà Đỗ Thị Kim C vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 08 tháng, lãi suất cho vay là 1%/tháng, trả vào ngày 01 Tây hàng tháng. Khi cho vay, hai bên lập với nhau Bảng hợp đồng vay mượn tiền và biên nhận, hai bên tự ký với nhau chứ không có công chứng,

chứng thực. Ông N cũng không nhận bất kỳ tài sản thế chấp nào của Bà C. Sau khi vay, Bà C đã không trả cho ông tiền gốc và lãi đúng như thỏa thuận. Nay ông Trương Văn N yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C thanh toán cho ông tổng số tiền còn nợ là 309.375.000đ (ba trăm lẻ chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 250.000.000đồng, nợ lãi tính đến ngày 16/4/2024 là 59.375.000đồng, yêu cầu Bà C trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2024, bị đơn là bà Đỗ Thị Kim C xác nhận vào ngày 01/10/2022 bà có vay của ông Trương Văn N số tiền là 250.000.000đồng, các thỏa thuận về việc vay mượn tiền đúng như ông N đã trình bày. Bà đồng ý thanh toán cho ông N tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/3/2024 là 300.000.000đồng, bà yêu cầu được thanh toán chậm nhất là vào ngày 25/3/2024 nhưng ông N không đồng ý với thời hạn thanh toán. Tại phiên Tòa, Bà C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trương Văn N khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C (hiện đang cư trú tại Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán tiền vay còn nợ. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A.

Bị đơn là bà Đỗ Thị Kim C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu trả nợ vay:

Theo lời trình bày của ông Trương Văn N thì ngày 01/10/2022, ông có cho bà Đỗ Thị Kim C vay số tiền là 250.000.000đồng, thời hạn cho vay là 08 tháng, lãi suất cho vay là 1%/tháng, trả vào ngày 01 Tây hàng tháng. Khi cho vay, hai bên lập với nhau Bảng hợp đồng vay mượn tiền và biên nhận, hai bên tự ký với nhau chứ không có công chứng, chứng thực, ông không nhận bất kỳ tài sản thế

chấp nào của Bà C. Bà C cũng đã xác nhận đã nhận đủ số tiền 250.000.000đồng. Sau khi vay, Bà C đã không trả cho ông tiền nợ gốc và lãi đúng như thỏa thuận. Khi đến hạn trả nợ, Bà C không trả được nợ, và đã viết nhiều giấy xác nhận chưa trả nợ và hứa trả nợ cho ông N. Trong biên bản hòa giải ngày 05/3/2024, Bà C xác nhận ngày 01/10/2022 có vay của ông N số tiền là 250.000.000đồng, và cam kết trả cả gốc lẫn lãi tính tới ngày 05/3/2024 là 300.000.000đồng. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà Đỗ Thị Kim C có vay của ông Trương Văn N số tiền 250.000.000đồng, chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho ông N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất:

Theo Bảng hợp đồng vay mượn tiền và biên nhận được ký kết giữa ông Trương Văn N và bà Đỗ Thị Kim C thì ông N cho Bà C vay số tiền 250.000.000đồng, thời hạn vay là 08 tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng, Bà C cũng đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 01/10/2022. Ông N yêu cầu Bà C trả lãi 8 tháng theo hợp đồng là 1%/tháng (lãi từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2023), từ tháng 6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là 1,5%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng giữa hai bên và các quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 309.375.000\text{đồng} = 15.468.750\text{đồng}$ (mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ông Trương Văn N không phải nộp án phí.

Do bà Đỗ Thị Kim C là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đỗ Thị Kim C được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 282, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đỗ Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn N tổng số tiền vay còn nợ là 309.375.000đ (ba trăm lẻ chín triệu ba trăm bảy mươi lăm

ngàn đồng) (bao gồm tiền nợ gốc là 250.000.000đồng, nợ lãi tính đến ngày 16/4/2024 là 59.375.000đồng) theo Bảng hợp đồng vay mượn tiền và biên nhận ngày 01/10/2022; giấy cam kết trả nợ ngày 29/9/2023 của bà Đỗ Thị Kim C.

Phương thức thanh toán: thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày ông Trương Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Kim C không thi hành trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Bà C còn phải trả cho ông N khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Kim C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;

- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hồng Nga